

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
Câu hỏi cho người nộp đơn

ODP. IV :

Date :
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can not read or Write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or Send the completed questionnaire to :
Gửi Bảng Câu hỏi này về :

Xin điền vào Bảng câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu Bạn không đọc hoặc viết thạo Anh ngữ được thì điền bằng tiếng Việt.

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Íy lịch căn bản.

1. Name : MANG THUY Sex : Male
Họ tên : Phái
2. Other Name : Any
Họ tên khác :
3. Date/Place of birth : 1950 Ninh Thuận
Ngày / Nơi sinh :
4. Residence Address : Thới Trường Hamlet, Thới Xuân Commune,
Địa chỉ thường trú : O Môn District, Hậu Giang Province,
VIET NAM
5. Mailing Address : Any
Địa chỉ thư từ :
6. Current Occupation : Farmer.
Nghề nghiệp hiện tại :

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (1) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W) or Single (S).)

(CHÚ Ý : Chỉ có vợ /chồng và con còn độc thân mới có thể cùng đi với Bạn mà thôi. Hãy khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	SEX	M.S.	RELATIONSHIP

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), ID Cards (if available), and photos. If any of the person of the above accompanying relatives do not live with you, please note their address in Section I)

(CHÚ Ý : Cho những người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần khai sinh, hôn thú (nếu đã lập gia đình), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), chứng nhận khai tử của vợ/chồng (nếu là góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn mà không cùng chung ngụ hiện tại, thì xin bạn ghi địa chỉ của họ vào Phần I bên dưới.)

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Họ hàng ở ngoại quốc.

	OF MYSELF của tôi	OF MY SPOUSE của vợ/chồng
1. Closest Relative in The U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ	:	:
a. Name Họ, tên	:	:
b. Relationship Liên hệ gia đình	:	:
c. Address Địa chỉ	:	:
d. Date of Relative's Arrival in The U.S. Ngày bà con đến Hoa Kỳ	:	:
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác	:	:
a. Name Họ, tên	:	:
b. Relationship Liên hệ gia đình	:	:
c. Address Địa chỉ	:	:

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) / Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

1. Father : MANG CHI (Dead)
Cha
2. Mother : THI RAI (Dead)
Mẹ
3. Spouse : LI THI LIÊU
Vợ/chồng
4. Former Spouse (if any) : Any
Vợ/chồng trước (nếu có)

5. Children : (1)
Con cái
1. Mang Thi Nguyệt (1974)
 2. Mang Thi Nguyệt (1977)
 3. Mang Lý Cường (1979)
 4. Mang Lý Trường (1982)

6. Siblings : Any
Anh chị em

5. Mang Thi Ngọc Hương (1985)
6. Mang Lý Chê (1989)

**E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATIONS
OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã có lần việc cho công
sở của Chính Phủ Hoa Kỳ hoặc Hãng Mỹ.**

1. Employee Name :
Tên họ nhân viên
Position Title :
Chức vụ
Agency/Company/Office :
Sở / Hãng / Văn phòng
Length of Employment : From : To :
Thời gian làm việc Từ tới
Name of American Supervisor :
Tên họ giám thị Mỹ
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc

2. Employee Name :
Tên họ nhân viên
...
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc

3. Employee Name :
Tên họ nhân viên
...
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc

**F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng
đã công vụ với Chính Phủ Việt Nam.**

1. Name of Person Serving : MANG THUY
Họ tên người tham gia
2. Dates : From : To : 15.10.1974
Ngày tháng năm Từ tới
3. Last Rank : Private E1 Mil. Serial No. 70/151.304
Cấp bậc cuối cùng
4. Ministry/Office/Mil. Unit : Airborne. Company 33rd
Bộ / Sở / Đơn vị binh chủng IIIrd Battalion.
5. Name of Supervisor/C.O. : Major VU THANH BONG
Tên giám thị/SQ chỉ huy Battalion in Chief
6. Reason for Separation : Founded by S2mm at Quảng Trị at
Lý do nghỉ việc TBD.YD 346.434 on 02.03.1972
7. Names of American Advisor(s)
Tên họ cố vấn Hoa Kỳ
8. U.S. Training Courses in Viet Nam :
Các khoá huấn luyện của Mỹ tại VN
9. U.S. Awards or Certificates
Name of Award : Date received :
Phân thưởng/Giấy khen Ngày nhận

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificate,
if available. Available ? NO.)

(CHÚ Ý: Xin Bạn kèm theo bản gốc Văn Bằng, Giấy khen, hoặc chứng thư,
nếu có. Bạn có không ? KHÔNG.)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã được huấn luyện ở nước ngoài.

1. Name of Student/Trainee :
Họ tên sinh viên/người thụ huấn

2. School and School Address :
Tên trường và địa chỉ trường

3. Dates : From :
Ngày, tháng, năm Từ

To :
tới

4. Description of Courses:
Mô tả ngành học

5. Who paid for training ?
Ai đài thọ chương trình huấn luyện

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available.)
Available ? Yes : ... No : X.)

(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị, nếu có. Bạn có không ? Có : ... Không : X.)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập.

1. Name of Person in Re-Education :
Họ, tên người học tập cải tạo

2. Time in Re-Education : From :
Thời gian học tập Từ

To :
tới

3. Still in Re-Education ? Yes : ...
Còn học tập cải tạo không Còn

No : X
Không

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại của bạn.)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS ? / Cuộc chửi phụ thuộc ?

I wish I could be given allowance from April 75 until now.

Signature :
Ký tên

Date :
Ngày

J. ALL DOCUMENTS ENCLOSED / Tất cả hồ sơ đính kèm :

1. Photocopy of Medical Examination from Đỗ Vinh Mil. Hospital.
2. Report.
3. Photocopy of Detailed Report.
4. Photocopy of Dismission Certificate.
5. Photocopy of Military Service.
6. Photocopy of Military Curriculum Vitea.
7. Photocopy of Administrative Certificate.
8. Photos.
9. Photocopy of Decree No. 5793/QĐ IV/QK 4/TQT/NV/TĐGN

6-66.TTALAP.O.1-94E

KEC . 4.794 Ngày 11 tháng 1 năm 1973.

VIỆT NAM CÔNG HOÀ
QUÂN LỰC VIỆT NAM CÔNG HOÀ
SƯ ĐOÀN NHẢY DÙ
LƯU ĐOÀN 3 NHẢY DÙ
TIỂU ĐOÀN 3

TƯỚNG TRÌNH ỦY KHUČ

CĐA

Điện thoại : 50.278

Thiếu-Tá VŨ-THANH-ĐÔNG
Q. Tiểu-Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 3 Nhảy-Dù

Số . 0376 / TĐ3ND/1/CP

Trưởng hợp bị thương của:

Binh 1 MANG - THỦY ; số quân: 70/151.304

- Binh 1 MANG - THỦY ; số-quân 70/151.304
thuộc Đại-Đội 33 Tiểu-Đoàn 3 Nhảy-Dù bị thương
ngày 02/01/1972 tại TĐ. YD 346.434 Quảng-Trị
thuộc Quân-Khu I

Bối ; Minh đơn 82 ly của địch

Trung vào địa điểm gần tháidương bên phải

Thương tích nêu trên xảy ra trong trường hợp

thi hành công tác Hành-Quân " HƯỚNG ĐI TRÁCH VÀO

CÔNG-VU "

TL.

Đại-Ủy NGUYEN-NGOC-DANH
Chỉ Huy Hậu Cứ
(ký tên và đóng dấu)

SÁO Y ĐÀN CHANH/

SƯ ĐOÀN NHẢY DÙ
LƯU ĐOÀN 3 NHẢY DÙ
TIỂU-ĐOÀN 3

KEC 4.794 ngày 13 tháng 7 năm 1973

TL. Thiếu-Tá VŨ-THANH-ĐÔNG
Tiểu-Đoàn-Trưởng Tiểu Đoàn 3 Nhảy-Dù/HQ
Trưởng Ủy BAN NGUYEN-HUU-VIEN
Chỉ Huy Hậu Cứ



CHỨNG CHỈ GIẢI NGŨ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ TẠNG THAM MƯU
PHÒNG TẠNG QUÂN TRI
ĐƠN VI 4 QUAN TRI

SỐ

MDV/MDV/4T3/MD/CCCN

Trung-Ta TRINH-TUONG Chỉ Huy Trưởng Đơn Vi 4 Quan Tri,

CHỨNG NHÂN

~~MANG~~ - THUY

Cấp bậc

HS/HD

Số quân

70/151.304

Sinh ngày

1950

tại

Ninh-Thuan

Cen Ông

Mang-Chi

(S,C)

và Bà

Thi-Rai

(S,C)

Như sau vào Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa ngày

tháng

năm

Được giải-ngũ ngày

15

tháng

10

năm

1974

Do

MDV/MDV/4T3/MD/CCCN

ĐD số

5793

MDV/MDV/4T3/MD/CCCN

tháng

22

tháng

08

năm

1974

Của: (Cơ-quan, Đơn-vị)

MDV/MDV/4T3/MD/CCCN

Thân niên quân-vụ :

năm

tháng

ngày

LÝ DO GIẢI NGŨ :

MDVV SO

MDVV SO

MD

Địa-chỉ khai về cư-ngụ : Ap Trung-Hoa-A, Xã Ngan-Thuan-Trung, Tỉnh Phong-Dinh,

KBC. 4685

, ngày

7 Th.10. 1974



Chữ ký đương-sứ

A. Duy

Trần Lư

Huấn-thị số 645-400
ngày 09.06.67

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
BỘ TONG THAM MUU-LINH
PHONG TONG QUAN TRI
DON VI 4 QUAN TRI
SO 13989 ĐVL/TNV/WT3/CLQ/CTV

CHỨNG-THƯ QUÂN-VU

Trung-Ta TRINH-TUONG Chi Huy Truong-Don Vi 4 Quan Tri,

chứng nhận :

HS/HD MANG * THUY số quân 70/151.304

đã phục-vụ trong QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA từ 15-10-1974

Huy-chương, tuyên-dương công-trạng, bằng tưởng-lực :

Bằng chuyên-môn của Quân-Đội :

Chức-vụ hay công việc đã đảm trách :

Đương-sự có tạnh-kiểm tốt trong suốt thời-gian tại ngũ và luôn luôn lấy danh-dự phụng-sự một cách trung-thành.

Chứng-thư này được cấp cho đương-sự để chiếu dụng.

7 Th11 1974

KBC. 4685 ngày 6

Lưu

* Chứng-thư này chỉ được cấp 1 lần

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

QUÂN ĐỘI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Đoàn hay ĐƠN VỊ 4 QUÂN TRỊ

Phòng Sứ

CÔNG VỤ LIÊN TIẾP

BẢNG KÊ TƯỜNG MAO và QUÂN VỤ

(Yêu Cầu)

Của BÍ/CLQ. MANG - TRUY

SỐ QUÂN: 70/151.304

HỘ TỊCH

NHÂN DẠNG

Sinh ngày 1950 Tại Cam-ly
 Tổng Phủ, Huyện Du-long
 Tỉnh Vĩnh-Thuan
 Nghề nghiệp nông
 Con của Ông MANG-CHY và Bà THI-RAI
 Hiện ở tại KAROM Tổng DUTONG
 Huyện, Phủ Tỉnh Vĩnh-Thuan.
 Kết hôn ngày Với Cô
 Ở tại Phủ, Huyện
 Tổng Tỉnh
 Giấy phép của

Tóc
 Mắt
 Trán
 Mũi
 Măt
 Hình cao 1 thước phân
 Dấu tích riêng biệt

QUỐC TỊCH

VIỆT - NAM

Nhập ngũ vào Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa trong thời hạn

năm

Kể từ ngày

Nguyên trước ở

Việt Nam Cộng-Hòa

Va giữ cấp bậc

QUÂN ĐỘI

CÔNG VỤ LIÊN TIẾP

CHUYÊN DICH

- 04.10.71.- Tình nguyện dấn thân trong thời hạn 03 năm dấn thân vào tại BIL/SD/Phay-Du, Quân vụ lo tu ngày 04/10/71.
- 15.10.71.- Đơn thu nhận tại TTQT/Quang-Trung, thân cận ban Quân sự do DS. số 346/K M/CS, ngày 15/10/71 và nhận khóa ngày 26/12/71.
- Tình nguyện nhận học ở khóa 2.5 Phay-Du.
- 22.07.72.- Trước khi học ở khóa 2.5 Phay-Du, chuyển đơn Tầu-Đoan 3/Phay-Du do LTC. số 438/SDSD/TQT/DHVV/TC ngày 25/01/72 của BIL/SD/Phay-Du.
- 01.06.72.- Thang cấp Đính I dấn-Đạch do QĐ. số 3879/SDSD/TQT/DHVV/TC ngày 01/7/72 của BIL/SD/Phay-Du.
- 01.07.72.- Thương binh Quốc gia loại 3 chuyển đơn TTQT/Trung-Hong do LTC. số 3210/SDSD/TQT/DHVV/TC ngày 04/7/73 của BIL/SD/Phay-Du.
- 27.07.73.- Chuyển đơn DƯQT (TSC/L3) dấn trình đơn HĐD ứng Kêu nguyện Quan theo đơn xin do LTC. số 22411/TTQT/TC/TBB/L3/HSD/1/73, ngày 26/7/74 của TTQT/TC.
- 15.08.74.- Quan nhận loại 3 HDVV. số 1 CDVV 50% QĐ mới ngày 15/10/74 do QĐ. số 5783/QIV/X4/TQT/V/TC, ngày 22/8/74 của BIL/QIV/X4. Tòa án trong số đơn dấn thân-VL cùng ngày trên. Dương ai khai và cư ngụ tại Du-long, Vĩnh-Thuan.
(Cần cho đương sự xuất ngũ)

10/10/74

10 tháng 09 năm 1974

TL. Trung-Ta TRINH-TUONG
 Chỉ Huy Trưởng Đơn-Vị 4 Quân Trị
 Trung-Ta HUY-THY
 Chỉ Huy Phó, kiêm Trưởng Khoa DVT.



CHỨNG-THƯ HÀNH-CHÁNH

ĐƠN-VỊ THIẾT LẬP

ĐƠN-VỊ & QUAN TRỊ
KBC. 4685

PHẦN I. - QUÂN-VỤ và HỘ-TỊCH (SQ/QTHV lập)

1. - HỌ TÊN MANG THUY 2. - CẤP BẬC BI/HĐ 3. - SỐ QUÂN 70/151.304

4. - THẺ CĂN-CƯỚC DÂN SỰ: Số g Cấp tại _____ Ngày _____

5. - CNQS: _____ 6. - Ngày sinh: 1950 Nơi sinh: HÌNH THUAN

7. - NHẬP NGŨ VÀO QLVNCH NGÀY: 04-10-1971 Với tư cách: TIỀN QUÂN
Tiền quân vụ _____ Từ _____ Đến _____

8. - GIẤY ĐOẠN QUÂN-VỤ: - Từ _____ Đến _____ Lý do _____
- Từ _____ Đến _____ Lý do _____

9. - GIẢI NGŨ NGÀY: 15 10 1971 Lý do CDVV 50% ccep.
Lý do _____

10. - LÝ DO LẬP CHỨNG THƯ HÀNH-CHÁNH

- a) - ☐ Nạp vào hồ-sơ trợ-cấp tử-tuất : ☒ Đường sự bị phế tật
☒ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng phế-binh : ☐ Đường sự bị mất tích
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng góa phụ : ☐ Đường sự tạ thế
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng tổ phụ : Ngày 02 tháng 09 năm 72 tại QUANG TRI
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng cô-nhi.
☐ CTIC được cấp cho người thừa kế : Lý do THƯƠNG TRẦN
☐ CTIC được cấp cho người giám hộ :
Họ tên và địa-chỉ: AP Trưng Hòa A
Xã Ngươn Thiên, Quận Thuận Trung PHONG
MIỀN.

- Có qui trách công-vụ ☒
- Không qui-trách công-vụ ☐

b) - Lý do khác: T o Gáp Tân Rho

11. - HỌ TÊN CHA MẸ: Ông MANG CHI Sinh ngày _____ (sống) (chết)
Bà THỊ RAI Sinh ngày _____ (sống) (chết)

12. - GIA CẢNH: ☒ Độc thân ☐ Có vợ ☐ Góa vợ Số con _____

13. - NGƯỜI HÔN PHỐI: Họ và tên: _____ Sinh ngày _____
Nơi sinh: _____ Nghề nghiệp: _____
Địa chỉ: _____

- ☐ Trích-lục hôn thú ☐ Chứng thư thế-vì hôn thú ☐ Ấn thế vì hôn-thú

Số hiệu _____ Đăng ký ngày _____ tại _____

14. - CHI TIẾT VỀ CÁC CON CÒN SỐNG (kể cả con thành-niên)

HỌ TÊN (a)	Ngày sinh (b)	Trai, gái (c)	Loại con (d)	VĂN KIỆN THAM CHIẾN			
				Loại(e)	Số(f)	Ngày(g)	Nơi Đăng ký

PHẦN II. - CHIẾT TÍNH LƯƠNG BỔNG và TRỢ CẤP (Sơ Tài-Chánh lập)

15. - LƯƠNG THÁNG CUỐI CÙNG CỦA ĐƯƠNG SỰ : Cấp bậc HT/HĐ Bậc lương -2N Chỉ số lương III. II. 71-2N

Phụ cấp gia đình _____ Vợ với số con _____ Phụ cấp đất đỏ vùng _____
(ngoại trừ phụ cấp chức-vụ, giao-tế phi và nguy hiểm) thành tiền là (viết số lập lại toàn bằng chữ) _____

MƯỜI BA NGÀN HAI TRĂM ĐỒNG BẠC CHẴN

Chiết tính như sau :

- Lương căn bản 8.000.000 - Số phiếu kiểm-soát lương _____

- Phụ cấp vợ _____ - Đương sự được trả lương đến hết tháng _____

- Phụ cấp con _____ năm _____

- Phụ cấp đất đỏ AT 1.700.000

- Tăng khoản tạm thời _____

- Phụ cấp khác (nếu có) BEG 3.500.000

CỘNG : 13.200.000

LƯƠNG BẢN THÂN :

- Lương căn bản 8.000.000

- (kể cả phụ-khoản chuyên môn) _____

- Phụ-cấp đất đỏ AT 1.700.000

- Tăng khoản tạm thời _____

- Phụ-cấp đặc-biệt BEG 3.500.000

CỘNG : 13.200.000

PHỤ-CẤP VỢ CON :

- Phụ cấp vợ _____

(GD+DD+TKTT) _____

(Phụ cấp con) _____

(GD+DD+TKTT) _____

CỘNG : _____

16. - TRỢ CẤP TỬ TUẤT : (Toàn thể hay tức thời) _____ (bằng một hoặc hai hoặc mười hai) _____

Lần số lương tháng cuối cùng chiết tính nơi Mục 15, thành tiền là _____
(Viết số lập lại toàn bằng chữ) _____

Đã được ứng trả trước ngày _____ tháng _____ năm _____ cho người thừa kế hữu-quyền là (tên họ) _____

(Chiếu HT số 3761, TCTT/HCL/A ngày 26-3-1965)

PHẦN III. - THỰC THỰC

17. - CHỨNG THỰC PHẦN I (của Trưởng-Phòng TCT hay Nhân-vie)

Ngày _____

Chữ Ký _____

(Cấp bậc) Đại Úy (Họ tên) NGUYỄN MINH CƯỜNG

(Chức vụ) Trưởng Đại Quan Trĩ Nhân Viên

18. - CHỨNG THỰC PHẦN II (của Sĩ-Quan Tài-Chánh)

Ngày _____

Chữ Ký _____

(Cấp bậc) Thiếu Tá (Họ tên) PHẠM CÔNG TÍCH

(Chức vụ) Sĩ Quan Tài Chánh

19. - CHỨNG THỰC CỦA ĐƠN-VỊ TRƯỞNG TỰ TRỊ HÀNH-CHÁNH.

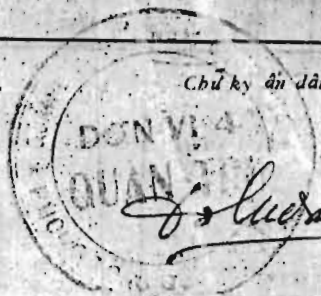
KBC. 1.685 , ngày 21 tháng THÁNG 12 năm 1974

CẤP BẬC, HỌ TÊN và CHỨC-VỤ :

Trung Tá TRẦN TUONG

Chỉ Huy Trưởng Đơn vị 4 Quan Trĩ.

Chữ ký ấn dấu



113 113

I. THÔNG TIN:

Họ và Tên: **HÀNG-NHÂN** Số quân: **70/151.304**
Cấp: **ĐẠI** **Đoàn 3 ND** **4.794**
Ngày vào trại: **09-09-1972** **Tại Trại Ngoại-Thương**
Đơn vị: **Đoàn 3 ND**

II. BÀI BÁO:

a) Nhận xét: - Bị thương trong cuộc hành quân ngày 02-9-72 tại tỉnh **QUẢNG-TRAI** gây thương tích:

- Nguyên vết thương ở não vùng thái dương phải và cũng tay trái do mảnh.
- Đã điều trị tại:
 - Trại Y-Viện Cộng-Hòa từ 06-9-72 đến 21-09-72
 - Bệnh Viện Đ-VINH -- 21-9-72 đến 21-02-73
- Phương pháp điều trị:
 - Giải phẫu làm sạch các vết thương
- Tình trạng hiện thời:
 - Vết thương và vết mổ lành, còn mảnh ở trong não, không sưng sọ, không chảy máu, không đau.
 - Đang trạng khỏe

b) Kết luận: - **ĐẠI** **CHỈ ĐỀ THƯƠNG**

- **Tránh Hội Đồng Y-Khoa.**

KHOA 3053, ngày 09 tháng 04 năm 1973

Y-Sĩ Điều Trị:
Y-Sĩ Đại Úy NGUYỄN-HỮU-THƯƠNG
Y-Sĩ điều trị Bệnh Viện Đ-VINH
Chữ

Logi III (Cổ và HẸM) **ĐOÀN 3 ND** **ĐOÀN 3 ND**
Y-Sĩ Trưởng
08/05/1973

KHOA 3053, ngày 07 tháng 05 năm 1973
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG Y-KHOA
Y-Sĩ Đại Úy BÙI-MỸ-KHÁ

Y-Sĩ Trưởng **ĐOÀN 3 ND**
Y-Sĩ Trưởng **ĐOÀN 3 ND**
ĐOÀN 3 ND
Chữ

BN

VIET-NAM CONG-HOA
QUAN DO VIET-NAM CONG-HOA
QUAN DOAN IV VA QUAN ANU4
DO THAM HU
PHONG TONG QUAN-LI

(C) UYET - (1) INH

Ho va ten : Cap bao 8 So Quat :
ngoch

Cap do tan phe

8
NIGHT DISPATCH

He Mang - Thuy

15/11/2015

11/11/11

CCP

157414 1571014

NOT MEAN 8

5 9 9 9 9 9 9

KRC 3492, DRY 22 / 10 / 1961
 TRIP TO THE MOUNTAIN
 Student Chapter II 20.10.1961

(1934-1935)

TRẦN SÁO Y ĐÀN CHANH 2

DRY/CLAY/TEMP/CLN (or bag)

7-10-30 10-30 0 00

DVA, GEL, GEL, GEL (01 Van)

"Chien the house was down ten phe"

Đ/SA GI BẮT TAY NGÀI LẠI ĐANG.

28 Th. 9. 1974

Chi Hui School

NON-7-1-1948, DIA, Oden Tr.

1922-23

W. L. Linsu

From : MANG THUY
Ấp Thới Trường
Xã Thới Xuân
Huyện Ô Môn
Tỉnh Hậu Giang
VIỆT NAM

R 658
K6 5 8



DEC 1 6 1989



TO: MRS KHUC MINH THO
PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
U. S. A.

557-21402



mang
Thuy²